**TIẾNG VIỆT(tăng)**

***Ôn tập về từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm*.**

**I. Yêu cầu cần đạt.**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cho HS về từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái và từ chỉ đặc điểm

**2.Năng lực chung:**

- Rèn KN tìm từ đúng, kĩ năng dùng từ đặt câu phù hợp yêu cầu cần đạt.

**3. Phẩm chất:**

- Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

**II. Đồ dùng dạy học.**

- Giáo viên: Máy tính kết nối mạng, ti vi.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Khởi động: **Trò chơi Truyền điện:** | -HS tham gia trò chơi, nêu các từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm. |
| **2. Luyện tập** |  |
| **Bài 1:** Tìm các từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái trong khổ thơ sau:  Cỏ mọc xanh chân đê  Xanh xum xuê nương bãi  Cây cam vàng thêm trái  Hoa khoe sắc nơi nơi | |
| - Gọi HS đọc đề bài.  - YCHS làm bài.   * GV nhận xét, đánh giá.   *Chốt: Củng cố cách nhận biết và phân biệt từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, từ chỉ trạng thái.* | - HS đọc đề bài.  - HS làm bài.  - Đại diện HS nêu kết quả:  *- Từ chỉ sự vật: cỏ, chân đê, nương bãi, cây cam, trái, hoa.*  *- Từ chỉ hoạt động: mọc.*  *- Từ chỉ trạng thái: xanh, xum xuê, vàng, khoe sắc.*   * Nhận xét. |
| **Bài 2:** Tìm các từ chỉ hoạt động, trạng thái trong đoạn văn sau:  Một buổi sáng mùa xuân, trăm hoa khoe sắc, gà con vui vẻ gọi vịt con ra vườn chơi. Gà con rủ vịt con bắt sâu bọ, côn trùng có hại cho cây cối. Nhờ có mỏ nhọn nên gà con mổ bắt sâu dễ dàng. Nhưng vịt con không có mỏ nhọn nên không thể nào bắt sâu được. Thấy thế gà con vội vàng chạy tới giúp vịt. | |
| - Gọi HS đọc bài.  - Cho HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài.  - Sau mỗi từ HS tìm được, GV nhận xét rồi ghi lên bảng.  *Củng cố: Nhận biết và phân biệt từ chỉ hoạt động, trừ chỉ trạng thái.* | - 1 HS đọc bài trước lớp.  - HS thực hiện trao đổi nhóm đôi để làm bài.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả.  - HS nhận xét.  Từ chỉ trạng thái: vui vẻ, vội vàng  Từ chỉ hoạt động: gọi, chơi, rủ, bắt, mổ, bắt sâu, chạy |
| **Bài 3:** Điền các từ chỉ hoạt động, trạng thái thích hợp vào chỗ trống trong các câu văn sau:   1. Trên tường … một bức tranh. 2. Dưới gốc cây có … một con ngựa. 3. Gió bắt đầu … mạnh, lá cây … nhiều, từng đàn cò … nhanh theo mây. 4. Nước … đá … | |
| * Gọi HS đọc bài. * YCHS làm bài theo nhóm 4. * Nhận xét, chốt đáp án.   *Củng cố về hoàn thành câu bằng cách điền từ chỉ hoạt động, trạng thái.* | **-** 1 HS đọc bài.   * HS thảo luận nhóm 4 làm bài. * Đại diện nhóm nêu kết quả. * HS khác nhận xét, bổ sung nếu có.  1. ***Trên tường*** *treo* ***một bức tranh.*** 2. ***Dưới gốc cây có*** *buộc* ***một con ngựa.*** 3. ***Gió bắt đầu*** *thổi* ***mạnh, lá cây*** *bay* ***nhiều, từng đàn cò bay nhanh theo mây.*** 4. ***Nước*** *chảy* ***đá*** *mòn****.*** |
| **Bài 4:** Tìm từ chỉ đặc điểm trong mỗi câu sau:   1. Quả dưa hấu có vỏ màu xanh, bên trong màu đỏ và có vị ngọt. 2. Hoa là một cô gái ngoan ngoãn và hiền lành. |  |
| - YCHS đọc đề và làm bài  - Nhận xét, kết luận. | - HS đọc đề bài và làm bài cá nhân.  - HS trao đổi chéo kiểm tra kết quả.   1. *Từ chỉ đặc điểm: màu xanh, màu đỏ, vị ngọt.* 2. *Từ chỉ đặc điểm: ngoan ngoãn, hiền lành.*   - HS suy nghĩ tìm từ và đặt câu với từ vừa tìm được.  Một số HS đọc câu trước lớp. |
| **3. Vận dụng:**  - Tìm 1 từ chỉ sự vật, 1 từ chỉ hoạt động, 1 từ chỉ trạng thái và đặt câu với mỗi từ đó.  - GV nhận xét tiết học, dặn HS ôn bài | - HS thực hiện yêu cầu |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy:**